

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 15/9/2023
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Danh Long.
2. Ông Ngô Cao Lâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 15/8/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Ninh Văn N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ninh Văn N kết hôn năm 2010 và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; trước khi kết hôn

được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh Ninh Văn N, mâu thuẫn không hòa giải được; đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ninh Văn N.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Ninh Minh C1, sinh ngày 01/9/2011 và cháu Ninh Thị P, sinh ngày 28/01/2013. Hiện nay các cháu đang ở với bố là anh Ninh Văn N tại thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Để thuận tiện cho việc học hành của các cháu, khi ly hôn chị đề nghị giao cháu Ninh Minh C1 và Ninh Thị P cho anh Ninh Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị C xác định không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Ninh Văn N trốn tránh, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C, xử cho chị Lâm Thị C được ly hôn với anh Ninh Văn N. Về con chung giao hai cháu Ninh Minh C1, sinh ngày 01/9/2011 và Ninh Thị P, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Ninh Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lâm Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị

Lâm Thị C phải chịu toàn bộ phần án phí, anh Ninh Văn N không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lâm Thị C và anh Ninh Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Ninh Văn N là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Ninh Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị C, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị C và anh N xác định: Chị C và anh N kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian chung sống vợ chồng anh chị ban đầu bình thường nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và kinh tế trong gia đình. Hai anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Hiện nay anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang sinh sống tại thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; anh N là lao động tự do, hàng ngày vẫn sáng đi làm, chiều tối mới về nhà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần gửi thông báo và giấy triệu tập cho anh Ninh Văn N, gia đình anh đều nhận được và có thông báo cho anh biết, gia đình anh cho biết vì bận công việc nên anh không tới Tòa án làm việc được, anh có quan điểm là đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật và anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung khi vợ chồng ly hôn, vì hai con đang ở với anh. Điều đó cho thấy anh N cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị C là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị C đề nghị giao cháu Ninh Minh C1, sinh ngày 01/9/2011 và Ninh Thị P, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Ninh Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục. Bản thân cháu C1 và cháu P cũng đều thể hiện nguyện vọng mong muốn được ở cùng với bố để thuận tiện cho việc học hành. Theo thân nhân của anh Ninh Văn N cung cấp, anh hiện vẫn sinh sống tại thôn Đ, xã K, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, do đặc thù công việc nên hàng ngày anh đi làm sáng đến chiều tối thì về nhà, công việc của anh là khai thác gỗ với mức thu nhập trung bình từ 8.000.000 – 10.000.000 đồng. Như vậy, cần giao cháu Ninh Minh C1, sinh ngày 01/9/2011 và Ninh Thị P, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Ninh Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Ninh Minh C1, sinh ngày 01/9/2011 và Ninh Thị P, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Ninh Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lâm Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị C xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Lâm Thị C phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Ninh Văn N không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C về việc *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* đối với anh Ninh Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị C được ly hôn với anh Ninh Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Ninh Minh C1, sinh ngày 01/9/2011 và Ninh Thị P, sinh ngày 28/01/2013 cho anh Ninh Văn N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lâm Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002886 ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Ninh Văn N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã Cấp Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tuấn Linh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Danh Long – Ngô Cao Lâm

Lê Tuấn Linh

